

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HSST
Ngày: 16/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Hồ Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2020/ TLST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

A, sinh năm 1980, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông B và bà C; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Năm 2002, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; năm 2005, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”; tiền sự: Ngày 26/4/2018 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh thời gian 18 tháng; bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/3/2020 cho đến nay (có mặt).

- Người bị hại: Ông M, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đ, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Phường K, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử A về hành vi phạm tội như sau:

Ông M thuê căn nhà số 35/3, hẻm 35, ấp Tiền, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi để chứa vật tư trồng hoa lan. A là người ở trọ sát nhà ông M thuê nên A có qua lại nhà ông M rồi hai người quen biết nhau. A thấy nhà ông M có nhiều vật dụng máy móc nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 23 giờ ngày 25 tháng 02 năm 2020, thấy ông M không có nhà, A trèo hàng rào lưới B40 qua nhà ông M. A ra phía sau nhà cạy vách tole vào nhà lấy một máy cưa cầm tay động cơ xăng, một máy cưa cầm tay động cơ điện, một máy bắn đinh bằng hơi và một máy bơm áp suất. A đi lên phía hông trái nhà lấy một máy cưa bàn. Sau đó, A chuyển số tài sản vừa trộm được qua nhà trọ của mình. Đến sáng ngày 26 tháng 02 năm 2020, A dùng xe đạp chở số tài sản trộm được bán cho ông T gồm 3 máy: Một máy cưa điện, một máy bắn đinh hơi và một máy cưa bàn với số tiền là 700.000 đồng. Tiếp theo, A dùng xe đạp chạy ra Quốc lộ 22 hướng về Quận 12, khi đến trước nhà ông Đ thuộc xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn thì bị đứt dây xích. A vào nhà ông Đ sửa xe rồi bán cho ông Đ hai máy còn lại với số tiền 1.000.000 đồng. Khi bán số tài sản vừa trộm, A đều nói là tài sản cá nhân do không còn nhu cầu sử dụng nên bán cho ông T và ông Đ. Sau đó, A trở về lại nhà trọ sinh hoạt bình thường. Đến 15 giờ ngày 27 tháng 02 năm 2020, ông M đến căn nhà thuê thì phát hiện mất số tài sản nêu trên. Ông M nghi A lấy trộm nên tìm A hỏi, A thừa nhận trộm tài sản của ông M. Ông M đến Công an xã Tân Thông Hội tố giác hành vi trộm cắp của A. Công an xã Tân Thông Hội mời A về làm việc thì A khai nhận hành vi trộm tài sản của ông M như trên. Ngày 28 tháng 02 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiến hành đưa A đi xác định địa điểm đã bán tài sản và đã thu hồi toàn bộ số tài sản trên.

Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 máy cưa cầm tay động cơ xăng hiệu Echo 311C màu cam có giá 1.000.000 đồng; 01 máy bơm cao áp hiệu Seiko, Model SK 200 màu đỏ có giá 400.000 đồng; 01 máy cưa cầm tay động cơ điện có hiệu Chainsaw 1,5 có giá 500.000 đồng; 01 máy cưa bàn loại ấn xuống, không rõ nhãn hiệu có giá 200.000 đồng; 01 máy bắn đinh hiệu Maxpro F30 có giá 500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.600.000 đồng (BL 8,9).

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội như sau: Qua xét hỏi tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo A đã có hành vi trộm cắp tài sản của ông M với tổng giá trị là 2.600.000 đồng; xét bị cáo có 02 tiền án là vào năm 2002, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến năm 2005, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”

chưa được xóa án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho ông Đ số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho ông T số tiền 700.000 đồng. Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ xe gắn máy biển số 72H4-8565 của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo A không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo A: Không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo A thừa nhận vào khoảng 23 giờ ngày 25 tháng 02 năm 2020, bị cáo lén lút qua nhà ông M tại số 35/3, hẻm 35, ấp Tiên, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh lấy trộm một máy cưa cầm tay động cơ xăng, một máy cưa cầm tay động cơ điện, một máy bắn đinh bằng hơi, một máy bơm áp suất và một máy cưa bàn bán lấy tiền tiêu xài thì bị bắt.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông M, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận với tổng giá trị là 2.600.000 đồng. Bị cáo có 02 tiền án là vào năm 2002, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến năm 2005, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” chưa được xóa án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo vẫn bất chấp. Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Về nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án là vào năm 2002 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến năm 2005 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” chưa được xóa án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung tăng nặng theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tiền sự là ngày 26/4/2018 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh thời gian 18 tháng. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng

xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để khoan hồng giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về dân sự: Ông M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét. Ông Đ và ông T khi mua tài sản của bị cáo không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 700.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Đ và ông T, Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho ông T số tiền 700.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử đã buộc bị cáo bồi thường cho ông Đ và ông T nên không buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.700.000 đồng do bán tài sản trộm cắp để sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 xe gắn máy biển số 72H4-8565, số khung CHLX31010302338, số máy 152FMH01754814, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi xác minh, điều tra chiếc xe của bà P (là mẹ kế của bị cáo) đã cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy xe này không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên bị cáo khai sử dụng số tiền 700.000 đồng do bán tài sản trộm được mà có để sửa xe, Hội đồng xét xử quyết định tạm giữ xe gắn máy để đảm bảo cho việc thi hành án số tiền bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ và ông T là phù hợp.

[6] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: "...Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án...", Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên như nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo A 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2020.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 131, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo A có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và bồi thường cho ông T số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, thi hành

một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Đ và ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho ông Đ và ông T tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tạm giữ 01 xe gắn máy biển số 72H4-8565, số khung CHLX31010302338, số máy 152FMH01754814 của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vật chứng nêu trên được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 56/PNK (ĐTTH) ngày 30/3/2020 của Công an huyện Củ Chi (BL104).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Công an H. Củ Chi;
- CQ THA Hình sự;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm